

QUY TẮC TRỌNG TÀI CỦA TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ SINGAPORE*

QUY TẮC SIAC (TÁI BẢN LẦN 5, NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013)

1. Phạm vi Áp dụng và Giải thích

- 1.1 Nếu các bên đã thỏa thuận đưa các vụ tranh chấp ra trọng tài tại SIAC, thì các bên xem như đã đồng ý rằng tổ tụng trọng tài sẽ được tiến hành và điều hành theo Quy tắc này. Nếu một trong các Quy tắc này xung đột với một quy định bắt buộc của pháp luật hiện hành về trọng tài mà các bên không được vi phạm, thì quy định đó sẽ được lấy làm căn cứ.
- 1.2 Quy tắc này sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 4 năm 2013 và sẽ được áp dụng cho tổ tụng trọng tài được bắt đầu từ ngày đó nếu các bên không có thỏa thuận khác.
- 1.3 Từ ngày 1 tháng 4 năm 2013, Quy tắc SIAC (tái bản lần 4, ngày 1 tháng 7 năm 2010) được sửa đổi như sau:
- a. Trong Quy tắc 1.3:
- Các định nghĩa về "Hội đồng quản trị", "Chủ tịch" và "Ủy ban của Hội đồng quản trị" bị lược bỏ và được thay thế như sau:
- "Hội đồng quản trị" được thay thế bằng Tòa;
- "Chủ tịch" được thay thế bằng Chánh Tòa;
- "Ủy ban của Hội đồng quản trị" được thay thế bằng Tòa;
- b. Các định nghĩa sau được thêm vào sau định nghĩa về "Ủy ban của Hội đồng quản trị":
- "Ủy ban của Tòa" nghĩa là ủy ban gồm ít nhất hai thành viên của Tòa và do Chánh Tòa chỉ định (mà có thể bao gồm cả Chánh Tòa);
- "Tòa" nghĩa là Tòa Trọng tài của SIAC và bao gồm cả một Ủy ban của Tòa;
- "Chánh Tòa" nghĩa là Chánh Tòa và kể cả Phó Chánh Tòa và Tổng Thư ký;
- 1.4 Từ ngày 1 tháng 4 năm 2013, Quy tắc SIAC (tái bản lần thứ 3, ngày 1 tháng 7 năm 2007) được sửa đổi như sau:

Chú ý:

* Bản Quy tắc bằng tiếng Việt này là bản dịch và chỉ mang tính tham khảo. Bản tiếng Anh là bản gốc và sẽ có giá trị pháp lý. Vì thế, trong trường hợp có mâu thuẫn hoặc khác biệt giữa hai bản tiếng Anh và bản tiếng Việt thì bản tiếng Anh sẽ được lấy làm căn cứ.

* Biểu Phí của Trung Tâm Trọng tài Quốc tế Singapore được đính kèm phía cuối Bản Quy tắc này.

- a. Trong Quy tắc 1.2:
Định nghĩa về "Chủ tịch" bị lược bỏ và được thay thế như sau:
"Chủ tịch" được thay thế bằng Chánh Tòa;
- b. Các định nghĩa sau được thêm vào sau định nghĩa về "Chủ tịch":
"Ủy ban của Tòa" nghĩa là ủy ban gồm ít nhất hai thành viên của Tòa và do Chánh Tòa chỉ định (mà có thể bao gồm cả Chánh Tòa);
"Tòa" nghĩa là Tòa Trọng tài của SIAC và bao gồm cả một Ủy ban của Tòa;
"Chánh Tòa" nghĩa là Chánh Tòa và kể cả Phó Chánh Tòa và Tổng Thư ký;
- 1.5 Trong Quy tắc này -
- "Phán quyết" bao gồm cả phán quyết một phần hoặc phán quyết cuối cùng và phán quyết của Trọng tài viên Khẩn cấp;
- "Ủy ban của Tòa" nghĩa là một ủy ban gồm ít nhất hai thành viên của Tòa và do Chánh Tòa chỉ định (mà có thể bao gồm cả Chánh Tòa);
- "Tòa" nghĩa là Tòa Trọng tài của SIAC và bao gồm cả một Ủy ban của Tòa;
- "Chánh Tòa" nghĩa là Chánh Tòa và kể cả Phó Chánh Tòa và Tổng thư ký;
- "Tổng Thư ký" nghĩa là Tổng Thư ký của Tòa và kể cả Phó Tổng Thư ký;
- "SIAC" nghĩa là Trung tâm trọng tài quốc tế Singapore; và
- "Hội đồng Trọng tài" bao gồm một trọng tài viên duy nhất hoặc tất cả các trọng tài viên nếu có nhiều trọng tài viên được chỉ định.
- Một đại từ được hiểu là giống trung; và
- Danh từ số ít được hiểu là đề cập tới số nhiều trong trường hợp thích hợp.

2. Thông báo, Tính Thời hạn

- 2.1 Cho các mục đích của Quy tắc này, mọi thông báo, văn thư giao dịch hoặc đề nghị sẽ được lập thành văn bản. Một văn thư giao dịch như vậy có thể được giao hoặc gửi bằng thư bảo đảm hoặc dịch vụ chuyển phát nhanh hoặc chuyển dưới hình thức thông tin liên lạc điện tử (kể cả thư điện tử và fax) hoặc được giao bằng các phương tiện khác có ghi nhận việc giao. Xem như đã nhận được nếu được chuyển (i) trực tiếp cho người nhận, (ii) tới nơi ở thường trú, địa điểm kinh doanh hoặc địa chỉ được chỉ định, (iii) tới địa chỉ được các bên thỏa thuận, (iv) theo thông lệ của các bên trong các giao dịch trước đó,

hoặc (v) nếu không thể tìm thấy các địa chỉ trên sau khi đã tìm hiểu hợp lý, thì tại nơi cư trú hoặc địa điểm kinh doanh cuối cùng được biết.

- 2.2 Thông báo, văn thư giao dịch, hoặc đề nghị xem như đã nhận được vào ngày giao.
- 2.3 Vì mục đích tính thời hạn theo Quy tắc này, thời hạn đó sẽ được tính từ ngày tiếp theo ngày nhận được thông báo, văn thư giao dịch hoặc đề nghị. Nếu ngày cuối cùng của thời hạn đó không phải là ngày làm việc tại nơi nhận theo Quy tắc 2.1, thì thời hạn được kéo dài cho tới ngày làm việc đầu tiên tiếp theo. Những ngày không phải là ngày làm việc trong thời hạn được tính vào thời hạn.
- 2.4 Các bên sẽ nộp cho Tổng Thư ký một bản sao thông báo, văn thư giao dịch hoặc đề nghị về thủ tục tố tụng trọng tài.
- 2.5 Trừ khi được quy định tại Quy tắc này, Tổng Thư ký có thể kéo dài hoặc rút ngắn các thời hạn được quy định trong các Quy tắc này tại bất kỳ một thời điểm nào.

3. Thông báo Trọng tài

- 3.1 Một bên muốn bắt đầu tố tụng trọng tài ("Nguyên đơn") sẽ nộp cho Tổng Thư ký Thông báo Trọng tài gồm:
 - a. yêu cầu đưa vụ tranh chấp ra tố tụng trọng tài;
 - b. tên, (các) địa chỉ, (các) số điện thoại, (các) số fax và (các) địa chỉ thư điện tử, nếu biết, của các bên tham gia tố tụng trọng tài và những người đại diện của các bên, nếu có;
 - c. dẫn chiếu tới điều khoản trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài riêng có liên quan và một bản sao điều khoản hoặc thỏa thuận đó;
 - d. dẫn chiếu tới hợp đồng (hoặc các văn kiện khác [ví dụ như hiệp định đầu tư]) có phát sinh vụ tranh chấp hoặc có liên quan tới vụ tranh chấp và nếu có thể, một bản sao hợp đồng đó;
 - e. giải trình tóm tắt mô tả tính chất và các tình tiết của vụ tranh chấp, nêu rõ biện pháp khẩn cấp tạm thời được yêu cầu và, nếu có thể, xác định sơ bộ số tiền của yêu cầu;
 - f. giải trình về các vấn đề đã được các bên thỏa thuận trước đó về việc tiến hành trọng tài hoặc đối với các vấn đề đó Nguyên đơn muốn đưa ra đề nghị;

- g. đề nghị số lượng trọng tài viên nếu vấn đề này không được quy định trong thỏa thuận trọng tài;
 - h. trừ khi các bên có thỏa thuận khác, việc đề cử một trọng tài viên nếu thỏa thuận trọng tài quy định ba trọng tài viên, hoặc đề nghị một trọng tài viên duy nhất nếu thỏa thuận trọng tài quy định trọng tài viên duy nhất;
 - l. ý kiến về quy tắc pháp luật được áp dụng;
 - j. ý kiến về ngôn ngữ trọng tài; và
 - k. nộp phí nộp đơn kiện cần thiết.
- 3.2 Thông báo Trọng tài cũng có thể bao gồm cả Bản giải trình Yêu cầu nêu tại Quy tắc 17.2.
- 3.3 Ngày Tổng Thư ký nhận Thông báo Trọng tài đầy đủ sẽ được xem là ngày bắt đầu tổ tụng trọng tài. Để tránh hiểu nhầm, Thông báo Trọng tài được xem là đầy đủ khi tất cả mọi yêu cầu của Quy tắc 3.1 được thực hiện hoặc khi Tổng Thư ký xác định là các yêu cầu về cơ bản đã được tuân thủ, SIAC sẽ thông báo cho các bên khi bắt đầu tổ tụng trọng tài.
- 3.4 Nguyên đơn đồng thời gửi bản sao Thông báo Trọng tài cho Bị đơn, và thông báo cho Tổng Thư ký về việc đó, nêu cụ thể phương thức tổng đạt được sử dụng và ngày tổng đạt.

4. Trả lời Thông báo Trọng tài

- 4.1 Bị đơn sẽ gửi cho Nguyên đơn Bản trả lời trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được Thông báo Trọng tài. Bản trả lời gồm:
- a. xác nhận hoặc bác bỏ toàn bộ hoặc một phần các yêu cầu;
 - b. giải trình tóm tắt mô tả tính chất và các tình tiết của đơn kiện lại, nêu rõ biện pháp khẩn cấp tạm thời được yêu cầu và, nếu có thể, xác định sơ bộ số tiền của đơn kiện lại;
 - c. ý kiến trả lời các giải trình nêu trong Thông báo Trọng tài theo Quy tắc 3.1(f), (g), (h), (i) và (j) hoặc ý kiến đối với các vấn đề quy định trong các quy tắc đó; và
 - d. trừ khi các bên có thỏa thuận khác, việc đề cử một trọng tài viên nếu thỏa thuận trọng tài quy định ba trọng tài viên, hoặc nếu thỏa thuận trọng

tài quy định trọng tài viên duy nhất, đồng ý với đề nghị của Nguyên đơn về một trọng tài viên duy nhất hoặc một đề nghị đối lại.

- 4.2 Bị đơn có thể đưa vào Bản tự bảo vệ và Bản giải trình Đơn kiện lại, như nêu tại các Quy tắc 17.3 và 17.4.
- 4.3 Bị đơn đồng thời gửi cho Tổng Thư ký bản sao Bản trả lời, cùng với khoản thanh toán phí nộp hồ sơ cần thiết cho đơn kiện lại, và thông báo cho Tổng Thư ký phương thức tổng đạt Bản trả lời đã sử dụng và ngày tổng đạt.

5. Thủ tục Khẩn trương

- 5.1 Trước khi thành lập hoàn chỉnh Hội đồng Trọng tài, một bên có thể đề nghị Tổng Thư ký bằng văn bản tiến hành thủ tục tố tụng trọng tài theo Thủ tục Khẩn trương theo Quy tắc này nếu một trong các tiêu chí sau được thỏa mãn:
- a. số tiền tranh chấp không vượt quá số tiền tương đương 5.000.000 đô la, là tổng số tiền của yêu cầu, đơn kiện lại và biện hộ bù trừ;
 - b. các bên thỏa thuận như vậy; hoặc
 - c. trong trường hợp cấp bách ngoại lệ.
- 5.2 Khi một bên đã yêu cầu Tổng Thư ký áp dụng Quy tắc 5.1, và khi Chánh Tòa quyết định sau khi xem xét ý kiến của các bên, rằng thủ tục tố tụng trọng tài sẽ được tiến hành theo Thủ tục Khẩn trương, thì thủ tục sau sẽ được áp dụng:
- a. Tổng Thư ký có thể rút ngắn các thời hạn theo Quy tắc này;
 - b. Vụ tranh chấp sẽ được chuyển cho trọng tài viên duy nhất, trừ khi Chánh Tòa có quyết định khác;
 - c. Trừ khi các bên thỏa thuận rằng vụ tranh chấp sẽ được quyết định chỉ trên cơ sở chứng cứ hồ sơ, Hội đồng Trọng tài sẽ tổ chức phiên họp giải quyết vụ tranh chấp để kiểm tra tất cả mọi người làm chứng và người làm chứng là chuyên gia và các lập luận;
 - d. Phán quyết sẽ được đưa ra trong vòng sáu tháng kể từ ngày thành lập Hội đồng Trọng tài; trong trường hợp ngoại lệ, Tổng Thư ký kéo dài thời gian; và
 - e. Hội đồng Trọng tài sẽ nêu các lý do làm căn cứ cho phán quyết theo mẫu tóm tắt, trừ khi các bên thỏa thuận không đưa ra lý do.

6. Số lượng và Chỉ định Trọng tài viên

- 6.1 Trọng tài viên duy nhất sẽ được chỉ định trừ khi các bên đã có thỏa thuận khác hoặc trừ khi sau khi xem xét thích đáng các đề nghị của các bên, Tổng Thư ký thấy rằng tính chất phức tạp, tổng số tiền có liên quan hoặc các tình tiết khác có liên quan của vụ tranh chấp đòi hỏi chỉ định ba trọng tài viên.
- 6.2 Nếu các bên đã thỏa thuận một trọng tài viên do một hay nhiều bên chỉ định, hoặc do một bên thứ ba chỉ định kể cả các trọng tài viên đã được chỉ định, thì thỏa thuận đó sẽ được xem là thỏa thuận đề cử một trọng tài viên theo Quy tắc này.
- 6.3 Trong mọi trường hợp, các trọng tài viên được các bên, hoặc một bên thứ ba đề cử kể cả các trọng tài viên đã được đề cử, sẽ được Chánh Tòa chỉ định theo toàn quyền của Chánh Tòa.
- 6.4 Chánh Tòa sẽ chỉ định một trọng tài viên trong thời gian sớm nhất có thể. Quyết định chỉ định trọng tài viên của Chánh Tòa theo Quy tắc này sẽ là cuối cùng và không bị kháng cáo.
- 6.5 Chánh Tòa có thể chỉ định bất kỳ ứng viên nào đã được một bên đề xuất hay đề nghị chỉ định.
- 6.6 Các điều kiện chỉ định mỗi trọng tài viên sẽ do Tổng Thư ký ấn định theo Quy tắc này và Tài liệu hướng dẫn Thực hiện hiện hành, hoặc theo thỏa thuận của các bên.

7. Trọng tài viên Duy nhất:

- 7.1 Nếu trọng tài viên duy nhất được chỉ định, thì một bên có thể đề xuất với bên kia tên của một hay nhiều người sẽ phục vụ với tư cách trọng tài viên duy nhất. Trường hợp các bên đã đạt được thỏa thuận về việc đề cử trọng tài viên duy nhất, thì Quy tắc 6.3 sẽ được áp dụng.
- 7.2 Nếu trong vòng 21 ngày sau khi Tổng Thư ký nhận được Thông báo Trọng tài, các bên không đạt được thỏa thuận về việc đề cử trọng tài viên duy nhất, hoặc nếu tại một thời điểm một bên có yêu cầu, thì Chánh Tòa sẽ tiến hành chỉ định trong thời gian sớm nhất có thể.

8. Ba Trọng tài viên

- 8.1 Nếu ba trọng tài viên được chỉ định, thì mỗi bên sẽ đề cử một trọng tài viên.

- 8.2 Nếu một bên không tiến hành đề cử trong vòng 14 ngày sau khi nhận được đề cử trọng tài viên của một bên, hoặc theo phương thức được các bên thỏa thuận theo cách khác, thì Chánh Tòa sẽ thay mặt bên đó tiến hành chỉ định trọng tài viên.
- 8.3 Trừ khi các bên đã thỏa thuận về thủ tục khác để chỉ định trọng tài viên thứ ba, hoặc nếu thủ tục được thỏa thuận đó không dẫn tới việc chỉ định trong thời hạn được các bên hoặc Tổng Thư ký ấn định, thì trọng tài viên thứ ba, người sẽ làm trọng tài viên chủ tọa, sẽ do Chánh Tòa chỉ định.

9. Chỉ định (các) Trọng tài viên của nhiều bên

- 9.1 Trường hợp có trên hai bên tham gia tố tụng trọng tài, và ba trọng tài viên được chỉ định, thì (các) Nguyên đơn sẽ cùng đề cử một trọng tài viên và (các) Bị đơn sẽ cùng đề cử một trọng tài viên. Nếu cả hai đề cử chung đó không được thực hiện trong vòng 28 ngày kể từ khi Tổng Thư ký nhận được Thông báo Trọng tài hoặc trong thời hạn được các bên thỏa thuận hoặc trong thời hạn được ấn định bởi Tổng Thư ký, thì Chánh Tòa sẽ chỉ định toàn bộ ba trọng tài viên và sẽ chỉ định một trong số họ làm trọng tài viên chủ tọa.
- 9.2 Trường hợp có trên hai bên tham gia tố tụng trọng tài, và một trọng tài viên được chỉ định, thì tất cả các bên sẽ thỏa thuận về một trọng tài viên. Nếu đề cử chung đó không được thực hiện trong vòng 28 ngày kể từ khi Tổng Thư ký nhận được Thông báo Trọng tài hoặc trong thời hạn được các bên thỏa thuận hoặc trong thời hạn được ấn định bởi Tổng Thư ký, thì Chánh Tòa sẽ chỉ định trọng tài viên.

10. Trình độ Trọng tài viên

- 10.1 Một Trọng tài viên, dù được các bên đề cử hay không, tiến hành tố tụng trọng tài theo Quy tắc này sẽ và luôn luôn độc lập và vô tư, và không hành động ủng hộ bất kỳ bên nào.
- 10.2 Khi chỉ định theo Quy tắc này, Chánh Tòa sẽ quan tâm thích đáng tới trình độ cần thiết của trọng tài viên theo thỏa thuận của các bên và việc xem xét để bảo đảm chỉ định trọng tài viên độc lập và vô tư.
- 10.3 Chánh Tòa cũng sẽ xem xét việc trọng tài viên có đủ thời gian quyết định nhanh chóng và có hiệu quả vụ tranh chấp phù hợp với tính chất tố tụng trọng tài.

- 10.4 Trọng tài viên sẽ tiết lộ cho các bên và Tổng Thư ký bất kỳ sự việc nào có thể khiến người khác nghi ngờ chính đáng về sự vô tư hoặc tính độc lập của mình trong thời gian sớm nhất có thể và trong mọi trường hợp là phải trước khi Chánh Tòa chỉ định.
- 10.5 Trọng tài viên sẽ lập tức tiết lộ cho các bên, các trọng tài viên khác và Tổng Thư ký về bất kỳ tình tiết nào có tính chất tương tự có thể phát sinh trong quá trình tổ tụng trọng tài.
- 10.6 Nếu các bên đã thỏa thuận về trình độ cần thiết của một trọng tài viên, thì trọng tài viên sẽ xem như đáp ứng yêu cầu trình độ đó trừ khi một bên tuyên bố rằng trọng tài viên không đủ tiêu chuẩn trong vòng 14 ngày sau khi bên đó nhận được thông báo đề cử trọng tài viên. Trong trường hợp phản đối như vậy, thủ tục phản đối và thay thế trọng tài viên tại Quy tắc từ 11 đến 14 sẽ được áp dụng.
- 10.7 Một bên hay bất kỳ người nào thay mặt bên đó sẽ không có bất kỳ liên lạc riêng liên quan tới vụ tranh chấp với bất kỳ trọng tài viên nào hoặc ứng viên để chỉ định làm trọng tài viên do một bên đề cử, ngoại trừ thông báo cho ứng viên về tính chất chung của bất đồng và của thủ tục tổ tụng dự kiến và để thảo luận về trình độ, khả năng tham gia hoặc tính độc lập của ứng viên liên quan tới các bên hoặc để thảo luận về sự phù hợp của các ứng viên để lựa chọn làm trọng tài viên thứ ba trường hợp các trọng tài viên được các bên hoặc một bên chỉ định phải tham gia vào việc lựa chọn đó. Một bên hay bất kỳ người nào thay mặt bên đó sẽ không có bất kỳ liên lạc riêng nào liên quan tới vụ tranh chấp với bất kỳ ứng viên nào cho vị trí trọng tài viên chủ tọa.

11. Phản đối Trọng tài viên

- 11.1 Một trọng tài viên có thể bị phản đối nếu các tình tiết thực tế có thể khiến người khác nghi ngờ chính đáng về sự vô tư hoặc tính độc lập của trọng tài viên hoặc nếu trọng tài viên không có trình độ cần thiết mà các bên đã thỏa thuận.
- 11.2 Một bên có thể phản đối trọng tài viên do bên đó đề cử chỉ vì các lý do mà bên đó biết được sau khi đã chỉ định.

12. Thông báo Phản đối

- 12.1 Phụ thuộc Quy tắc 10.6, một bên có ý định phản đối trọng tài viên sẽ gửi thông báo phản đối trong vòng 14 ngày sau khi nhận được thông báo chỉ định trọng tài viên là người bị phản đối hoặc trong vòng 14 ngày sau khi bên đó biết được các tình tiết nêu tại Quy tắc 11.1 hoặc 11.2.

- 12.2 Thông báo phản đối sẽ được nộp cho Tổng Thư ký và đồng thời được gửi cho bên kia, trọng tài viên bị phản đối và các thành viên khác của Hội đồng Trọng tài. Thông báo phản đối sẽ được lập thành văn bản và ghi lý do phản đối. Tổng Thư ký có thể ra lệnh đình chỉ tố tụng trọng tài cho tới khi việc phản đối được giải quyết.
- 12.3 Khi trọng tài viên bị một bên phản đối, thì bên kia có thể đồng ý với việc phản đối. Trọng tài viên bị phản đối cũng có thể rút lui khỏi vị trí của mình. Trong cả hai trường hợp, việc đó không có hàm ý chấp nhận tính chất hợp lệ của căn cứ phản đối.
- 12.4 Trong các trường hợp nêu tại Quy tắc 12.3, thủ tục quy định tại các Quy tắc 6, 7, 8 hoặc 9, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng cho việc chỉ định trọng tài viên thay thế, dù cho trong quá trình chỉ định trọng tài viên bị phản đối, bên đó đã không thực hiện quyền đề cử của mình. Các thời hạn quy định trong các Quy tắc đó sẽ bắt đầu từ ngày bên kia đồng ý với việc phản đối hoặc trọng tài viên bị phản đối rút lui.

13. Quyết định Phản đối

- 13.1 Nếu, trong vòng 7 ngày kể từ khi nhận được thông báo phản đối, bên kia không đồng ý với việc phản đối và trọng tài viên bị phản đối không tự nguyện rút lui, thì Tòa sẽ đưa ra quyết định về việc phản đối.
- 13.2 Nếu Tòa chấp nhận việc phản đối, thì trọng tài viên thay thế sẽ được chỉ định theo các thủ tục quy định tại các Quy tắc 6, 7, 8 hoặc 9 hoặc, tùy từng trường hợp, dù cho trong quá trình chỉ định trọng tài viên bị phản đối, bên đó đã không thực hiện quyền đề cử của mình. Các thời hạn quy định trong các Quy tắc đó sẽ bắt đầu từ ngày Tổng Thư ký thông báo cho các bên về quyết định của Tòa.
- 13.3 Nếu Tòa bác bỏ việc phản đối, thì trọng tài viên sẽ tiếp tục tố tụng trọng tài. Trừ khi Tổng Thư ký ra lệnh đình chỉ tố tụng trọng tài theo Quy tắc 12.2 trong thời gian chờ đợi quyết định của Tòa về việc phản đối, trọng tài viên bị phản đối sẽ được quyền tiếp tục tố tụng trọng tài.
- 13.4 Tòa có thể ấn định chi phí của việc phản đối và có thể quyết định bên phải chịu chi phí đó và chịu như thế nào.
- 13.5 Quyết định của Tòa theo Quy tắc này sẽ là cuối cùng và không bị kháng cáo.

14. Thay thế Trọng tài viên

- 14.1 Trong trường hợp trọng tài viên từ vong, từ chức hoặc bị bãi miễn trong quá trình tố tụng trọng tài, trọng tài viên thay thế sẽ được chỉ định theo thủ tục áp dụng cho việc đề cử và chỉ định trọng tài viên bị thay thế.
- 14.2 Trong trường hợp trọng tài viên từ chối hoặc không hành động hoặc trong trường hợp không có khả năng *theo pháp luật* hoặc *thực tế* thực hiện chức năng của mình hoặc người đó không thực hiện các chức năng của mình theo Quy tắc hoặc trong thời hạn quy định, thì thủ tục phản đối và thay thế trọng tài viên quy định tại Quy tắc 11 đến 13 và 14.1 sẽ được áp dụng.
- 14.3 Sau khi tham khảo ý kiến các bên, Chánh Tòa được toàn quyền bãi nhiệm trọng tài viên người từ chối hoặc không hành động, hoặc trong trường hợp không có khả năng *theo pháp luật* hoặc *thực tế* thực hiện chức năng của mình hoặc nếu người đó không thực hiện các chức năng của mình theo Quy tắc hoặc trong thời hạn quy định.

15. Tiến hành lại Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp trong Trường hợp Thay thế Trọng tài viên

Nếu theo Quy tắc 12 đến 14, trọng tài viên duy nhất hoặc trọng tài viên chủ tọa bị thay thế, các phiên họp giải quyết vụ tranh chấp được tổ chức trước đó sẽ được tiến hành lại trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Nếu một trọng tài viên khác bị thay thế, thì các phiên họp giải quyết vụ tranh chấp trước đó có thể được tiến hành lại theo toàn quyền quyết định của Hội đồng Trọng tài sau khi tham khảo ý kiến các bên. Nếu Hội đồng Trọng tài đã ra phán quyết tạm thời hoặc một phần, thì các phiên họp giải quyết vụ tranh chấp chỉ liên quan tới phán quyết đó sẽ không bị tiến hành lại, và phán quyết sẽ vẫn có hiệu lực.

16. Tiến hành Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp

- 16.1 Hội đồng Trọng tài sẽ tiến hành tố tụng trọng tài theo phương thức Hội đồng Trọng tài xét thấy thích hợp, sau khi tham khảo ý kiến các bên, để bảo đảm quyết định cuối cùng công bằng, nhanh chóng và tiết kiệm về vụ tranh chấp.
- 16.2 Hội đồng Trọng tài sẽ quyết định về tính liên quan, tính cần thiết và tính chấp nhận được của tất cả các chứng cứ. Chứng cứ không cần phải có tính chấp nhận được về mặt pháp lý.

- 16.3 Trong thời gian sớm nhất có thể sau khi chỉ định tất cả các trọng tài viên, Hội đồng Trọng tài sẽ tiến hành cuộc họp sơ bộ với tất cả các bên, trực tiếp hoặc thông qua phương tiện khác, để thảo luận thủ tục thích hợp và hiệu quả nhất cho vụ tranh chấp.
- 16.4 Hội đồng Trọng tài được toàn quyền chỉ đạo trình tự tố tụng, thủ tục chia nhỏ vụ tranh chấp, loại bỏ lời khai không có liên quan hoặc tập hợp các lời khai hoặc chứng cứ khác và lệnh cho các bên tập trung trình bày các vấn đề mà quyết định về các vấn đề đó có thể loại bỏ toàn bộ hoặc một phần vụ tranh chấp.
- 16.5 Trọng tài viên chủ tọa có thể chỉ đưa ra các quyết định về thủ tục, phụ thuộc vào việc sửa đổi của Hội đồng Trọng tài.
- 16.6 Mọi giải trình, tài liệu hoặc thông tin khác được một bên cung cấp cho Hội đồng Trọng tài và Tổng Thư ký sẽ đồng thời được chuyển cho bên kia.

17. Tài liệu nộp của các Bên

- 17.1 Trừ khi Hội đồng Trọng tài có quyết định khác, việc nộp các bản giải trình sẽ được tiến hành như quy định trong Quy tắc này.
- 17.2 Trừ khi đã nộp theo Quy tắc 3.2, trong thời hạn do Hội đồng Trọng tài quyết định Nguyên đơn sẽ gửi cho Bị đơn và Hội đồng Trọng tài Bản giải trình Yêu cầu nêu đầy đủ chi tiết:
- (a) giải trình các sự kiện chứng minh cho yêu cầu;
 - (b) cơ sở pháp lý hoặc lập luận chứng minh cho yêu cầu; và
 - (c) biện pháp khẩn cấp tạm thời được yêu cầu cùng với số tiền của tất cả các yêu cầu có thể xác định được số tiền.
- 17.3 Trừ khi đã nộp theo Quy tắc 4.2, trong thời hạn do Hội đồng Trọng tài quyết định Bị đơn sẽ gửi cho Nguyên đơn Bản tự bảo vệ nêu đầy đủ biện hộ của mình đối với Bản giải trình Yêu cầu, bao gồm nhưng không giới hạn, các sự việc và các luận điểm theo luật mà Bị đơn dựa vào. Bản tự bảo vệ cũng sẽ ghi đơn kiện lại và đơn kiện lại đó sẽ tuân theo các yêu cầu của Quy tắc 17.2.
- 17.4 Nếu có đơn kiện lại, thì trong thời hạn do Hội đồng Trọng tài quyết định Nguyên đơn sẽ gửi cho Bị đơn Bản tự bảo vệ đối với Đơn kiện lại nêu đầy đủ chi tiết các sự việc và luận điểm theo pháp luật trong Bản giải trình Đơn kiện lại mà Nguyên đơn thừa nhận hoặc bác bỏ, các cơ sở để Nguyên đơn bác bỏ các yêu cầu hoặc luận điểm, và các sự việc và luận điểm khác theo pháp luật mà Nguyên đơn dựa vào.

- 17.5 Một bên có thể sửa đổi yêu cầu, đơn kiện lại hoặc các tài liệu khác trừ khi Hội đồng Trọng tài xét thấy không thích hợp để cho phép sửa đổi có xem xét tới việc chậm trễ khi sửa đổi hoặc ảnh hưởng tới bên kia hoặc các tình tiết khác. Tuy nhiên, không được sửa đổi một yêu cầu hay đơn kiện lại theo phương thức làm cho yêu cầu hoặc đơn kiện lại được sửa đổi nằm ngoài phạm vi thỏa thuận trọng tài.
- 17.6 Hội đồng Trọng tài sẽ quyết định các tài liệu khác cần có từ các bên hoặc các bên có thể xuất trình. Hội đồng Trọng tài sẽ ấn định thời hạn chuyển các tài liệu đó.
- 17.7 Mọi tài liệu nêu trong Quy tắc này sẽ được nộp kèm theo bản sao của tất cả các văn bản chứng minh mà trước đó một bên chưa nộp.
- 17.8 Nếu Nguyên đơn không nộp Bản giải trình Yêu cầu trong thời hạn quy định cụ thể, thì Hội đồng Trọng tài có thể ra lệnh chấm dứt thủ tục tố tụng trọng tài hoặc đưa ra chỉ thị khác khi thích hợp.
- 17.9 Nếu Bị đơn không nộp Bản tự bảo vệ, hoặc nếu tại bất cứ một thời điểm nào một bên không tự sử dụng cơ hội để trình bày vụ tranh chấp của mình theo phương thức được Hội đồng Trọng tài chỉ đạo, thì Hội đồng Trọng tài có thể tiếp tục thực hiện tố tụng trọng tài.

18. Địa điểm Trọng tài

- 18.1 Các bên có thể thỏa thuận về địa điểm trọng tài. Nếu không có thỏa thuận như vậy, thì địa điểm trọng tài sẽ là Singapore, trừ khi Hội đồng Trọng tài sau khi xem xét tất cả các tình tiết của vụ tranh chấp đã quyết định rằng một địa điểm khác thích hợp hơn.
- 18.2 Hội đồng Trọng tài có thể tổ chức các phiên họp giải quyết vụ tranh chấp thông qua các phương tiện mà Hội đồng Trọng tài xét thấy phù hợp hoặc thích hợp và tại địa điểm mà Hội đồng Trọng tài xét thấy thuận tiện hoặc thích hợp.

19. Ngôn ngữ Trọng tài

- 19.1 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Hội đồng Trọng tài sẽ quyết định ngôn ngữ sử dụng trong thủ tục tố tụng.
- 19.2 Nếu một tài liệu được viết bằng ngôn ngữ không phải là (các) ngôn ngữ trọng tài, thì Hội đồng Trọng tài, hoặc nếu Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập, Tổng Thư ký, có thể lệnh cho bên đó nộp bản dịch theo hình thức do Hội đồng Trọng tài hoặc Tổng Thư ký xác định.

20. Người đại diện của Bên

Một bên có thể có đại diện là người hành nghề luật sư hoặc những người đại diện khác.

21. Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp

- 21.1 Trừ khi các bên đã thỏa thuận về tổ tụng trọng tài chỉ dựa trên hồ sơ, nếu một bên có yêu cầu hoặc Hội đồng Trọng tài có quyết định, Hội đồng Trọng tài sẽ tổ chức phiên họp giải quyết vụ tranh chấp để trình bày chứng cứ và/hoặc trình bày miệng nội dung vụ tranh chấp, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề về thẩm quyền.
- 21.2 Hội đồng Trọng tài sẽ ấn định ngày, giờ và địa điểm các cuộc họp hoặc phiên họp giải quyết vụ tranh chấp và sẽ thông báo hợp lý cho các bên.
- 21.3 Nếu một bên tham gia tổ tụng không có mặt tại một phiên họp giải quyết tranh chấp mà không đưa ra lý do đầy đủ cho việc vắng mặt, thì Hội đồng Trọng tài có thể tiến hành tổ tụng trọng tài và đưa ra phán quyết dựa trên tài liệu và chứng cứ đã có.
- 21.4 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, mọi cuộc họp và phiên họp giải quyết vụ tranh chấp sẽ được tổ chức kín, và các biên bản, trích lục, hoặc tài liệu được sử dụng sẽ được bảo mật.

22. Người làm chứng

- 22.1 Trước khi diễn ra phiên họp giải quyết vụ tranh chấp, Hội đồng Trọng tài có thể yêu cầu một bên thông báo về nhân thân của người làm chứng, kể cả những người làm chứng là chuyên gia mà bên đó dự định đưa ra, nội dung lời khai của họ và mối liên quan của nội dung đó với các vấn đề.
- 22.2 Hội đồng Trọng tài có toàn quyền cho phép, từ chối hoặc hạn chế sự xuất hiện của những người làm chứng.
- 22.3 Người làm chứng cung cấp chứng cứ bằng lời có thể được từng bên, đại diện của các bên và Hội đồng Trọng tài hỏi theo cách thức do Hội đồng Trọng tài quyết định.
- 22.4 Hội đồng Trọng tài có thể chỉ thị lời khai của người làm chứng được trình bày dưới dạng văn bản như bản giải trình có chữ ký hoặc bản lời khai có tuyên thệ hoặc một hình thức ghi chép khác. Phụ thuộc Quy tắc 22.2, một bên có thể yêu cầu người làm chứng đó

tham dự để kiểm tra miệng. Nếu người người làm chứng đó không tham dự, Hội đồng Trọng tài có thể dựa vào lời khai bằng văn bản khi Hội đồng Trọng tài thấy lời khai là thích hợp, hoặc Hội đồng trọng tài có thể không quan tâm hoặc hoàn toàn loại trừ lời khai đó.

- 22.5 Một bên hoặc người đại diện của bên đó có thể phỏng vấn người làm người làm chứng hoặc người làm chứng tiềm năng (mà có thể được bên đó đưa ra) trước khi người làm chứng đó xuất hiện tại phiên họp giải quyết vụ tranh chấp là hợp lệ.

23. Chuyên gia do Hội đồng Trọng tài Chỉ định

23.1 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Hội đồng Trọng tài:

- a. có thể chỉ định một chuyên gia để báo cáo các vấn đề cụ thể sau khi tham khảo ý kiến các bên; và
- b. có thể yêu cầu một bên cung cấp cho chuyên gia đó các thông tin có liên quan, hoặc tạo ra hoặc cung cấp quyền tiếp cận các tài liệu, hàng hóa hoặc tài sản có liên quan để kiểm tra.

23.2 Chuyên gia được chỉ định như vậy sẽ nộp một báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng Trọng tài. Sau khi nhận được báo cáo bằng văn bản, Hội đồng Trọng tài sẽ gửi bản sao của báo cáo đó cho các bên và yêu cầu các bên đưa ra ý kiến nhận xét bằng văn bản về báo cáo.

23.3 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, nếu Hội đồng Trọng tài xét thấy cần thiết, chuyên gia đó sẽ tham gia vào phiên họp giải quyết vụ tranh chấp sau khi gửi báo cáo bằng văn bản. Tại phiên họp giải quyết vụ tranh chấp, các bên sẽ có cơ hội hỏi chuyên gia.

24. Quyền hạn Bổ sung của Hội đồng Trọng tài

Ngoài các quyền hạn quy định rõ trong Quy tắc này và không vi phạm các quy tắc bắt buộc của luật pháp áp dụng cho tổ tụng trọng tài, Hội đồng Trọng tài sẽ có quyền:

- a. ra lệnh chỉnh sửa hợp đồng, nhưng chỉ trong phạm vi được yêu cầu sửa lỗi mà Hội đồng Trọng tài xác định lỗi đó là của tất cả các bên trong hợp đồng. Việc này tuân theo điều kiện là luật áp dụng của hợp đồng cho phép chỉnh sửa hợp đồng đó;

- b. theo đơn đề nghị của một bên, cho phép một hoặc nhiều bên thứ ba được tham gia tố tụng trọng tài với điều kiện là người đó là một bên trong thỏa thuận trọng tài và có sự đồng ý bằng văn bản của bên thứ ba đó, và sau đó ra một phán quyết cuối cùng duy nhất hoặc các phán quyết riêng đối với tất cả các bên;
- c. trừ trường hợp quy định tại Quy tắc 28.2 và 29.5, gia hạn hoặc rút ngắn thời hạn được quy định tại các Quy tắc này hoặc theo chỉ thị của Hội đồng Trọng tài;
- d. tiến hành tìm hiểu mà theo Hội đồng Trọng tài có thể cần thiết hoặc thích hợp;
- e. yêu cầu các bên cung cấp các tài sản hoặc vật phẩm để kiểm tra;
- f. yêu cầu bảo quản, tàng trữ, bán hoặc định đoạt các tài sản hoặc vật phẩm là hoặc tạo thành một phần của đối tượng tranh chấp;
- g. yêu cầu một bên xuất trình cho Hội đồng Trọng tài và các bên khác để kiểm tra, và cung cấp các bản sao các tài liệu đang quản lý hoặc kiểm soát mà Hội đồng Trọng tài xét thấy có liên quan tới vụ việc và quan trọng đối với kết luận vụ việc;
- h. ra phán quyết đối với các khoản phí trọng tài chưa thanh toán;
- i. chỉ thị cho một bên cung cấp chứng cứ bằng bản lời khai có tuyên thệ hoặc dưới một hình thức khác;
- j. chỉ thị cho một bên đảm bảo rằng mọi phán quyết mà có thể được đưa ra trong quá trình tố tụng trọng tài sẽ không bị mất giá trị do một bên tẩu tán tài sản;
- k. yêu cầu các bên cung cấp bảo đảm cho chi phí luật sư hoặc các chi phí khác theo phương thức mà Hội đồng Trọng tài thấy thích hợp;
- l. yêu cầu một bên cung cấp bảo đảm cho toàn bộ hoặc một phần số tiền tranh chấp trong tố tụng trọng tài;
- m. tiến hành tố tụng trọng tài cho dù một bên không hoặc từ chối tuân thủ Quy tắc này, hoặc lệnh hoặc chỉ thị của Hội đồng Trọng tài hoặc một phán quyết một phần hoặc từ chối tham gia các cuộc họp hoặc phiên họp giải quyết vụ tranh chấp và áp các chế tài mà Hội đồng Trọng tài thấy thích hợp;

- n. trong một số trường hợp, quyết định các vấn đề không rõ ràng hoặc ngụ ý được nêu ra trong các tài liệu nộp theo Quy tắc 17 với điều kiện những vấn đề này đã được thông báo cho bên còn lại và bên đó đã có đầy đủ cơ hội để trả lời;
- o. quyết định luật áp dụng cho thủ tục tố tụng trọng tài; và
- p. quyết định các yêu cầu đặc quyền pháp lý hoặc đặc quyền áp dụng khác.

25. Thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài

- 25.1 Nếu một bên phản đối sự tồn tại hoặc giá trị pháp lý của thỏa thuận trọng tài hoặc quyền của SIAC thụ lý một vụ việc trọng tài trước khi Hội đồng Trọng tài được chỉ định, thì Tổng Thư ký quyết định có chuyển phản đối này cho Tòa để giải quyết hay không. Nếu Tổng Thư ký quyết định chuyển cho Tòa để giải quyết, Tòa sẽ quyết định liệu có vẻ có tồn tại một thỏa thuận trọng tài có hiệu lực theo Quy tắc này. Thủ tục tố tụng trọng tài sẽ chấm dứt nếu Tòa không nhận thấy như vậy. Bất kỳ quyết định nào của Tổng Thư ký hoặc của Tòa không ảnh hưởng đến quyền của Hội đồng trọng tài quyết định thẩm quyền của chính mình.
- 25.2 Hội đồng Trọng tài sẽ có quyền quyết định về thẩm quyền của mình, kể cả các phản đối đối với sự tồn tại, chấm dứt hoặc giá trị pháp lý của thỏa thuận trọng tài. Cho mục đích đó, thỏa thuận trọng tài là một phần của một hợp đồng sẽ được xem là một thỏa thuận độc lập với các điều khoản khác của hợp đồng đó. Quyết định của Hội đồng Trọng tài rằng hợp đồng vô hiệu sẽ không dẫn tới vô hiệu thỏa thuận trọng tài.
- 25.3 Tuyên bố rằng Hội đồng Trọng tài không có thẩm quyền sẽ được đưa ra chậm nhất là trong Bản tự bảo vệ hoặc trong Bản tự bảo vệ đối với một Đơn kiện lại. Tuyên bố rằng Hội đồng Trọng tài đang vượt quá phạm vi thẩm quyền của mình sẽ được đưa ra ngay sau khi Hội đồng Trọng tài thể hiện ý định quyết định về vấn đề bị cáo buộc là vượt quá phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài. Tuy nhiên, trong mỗi trường hợp, Hội đồng Trọng tài có thể chấp nhận một tuyên bố chậm theo Quy tắc này nếu Hội đồng Trọng tài xét thấy việc chậm trễ là hợp lý. Một bên không bị cản trở đưa ra một tuyên bố như vậy do bên đó đã đề cử hoặc tham gia đề cử một trọng tài viên.
- 25.4 Hội đồng Trọng tài có thể quyết định về tuyên bố nêu tại Quy tắc 25.3 như là một câu hỏi mở đầu hoặc trong một phán quyết về các tình tiết cụ thể.
- 25.5 Một bên có thể dựa vào một yêu cầu hoặc biện hộ nhằm mục đích bù trừ trong phạm vi luật hiện hành cho phép.

26. Biện pháp Khẩn cấp Tạm thời

- 26.1 Theo yêu cầu của một bên, Hội đồng Trọng tài có thể ra lệnh hoặc phán quyết đưa ra lệnh cấm hoặc biện pháp tạm thời khác mà Hội đồng Trọng tài thấy thích hợp. Hội đồng Trọng tài có thể lệnh cho bên yêu cầu biện pháp tạm thời cung cấp bảo đảm thích hợp có liên quan tới biện pháp khẩn cấp tạm thời được yêu cầu.
- 26.2 Bên cần biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi thành lập Hội đồng Trọng tài có thể đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đó theo thủ tục được quy định tại Phụ lục 1.
- 26.3 Đề nghị của một bên với cơ quan tư pháp xin áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi thành lập Hội đồng Trọng tài hoặc trong trường hợp ngoại lệ sau đó không được trái với Quy tắc này.

27. Luật áp dụng, người trung gian hòa giải

- 27.1 Hội đồng Trọng tài sẽ áp dụng các quy tắc pháp luật được các bên chỉ định áp dụng cho nội dung vụ tranh chấp. Nếu các bên không chỉ định, thì Hội đồng Trọng tài sẽ áp dụng luật mà Hội đồng Trọng tài xác định là thích hợp.
- 27.2 Hội đồng Trọng tài sẽ chỉ quyết định *với tư cách là người trung gian hòa giải* hoặc *theo sự công bằng* nếu các bên đã ủy quyền rõ ràng cho Hội đồng Trọng tài làm việc đó.
- 27.3 Trong mọi trường hợp, Hội đồng Trọng tài sẽ quyết định theo các điều khoản của hợp đồng, nếu có, và sẽ xem xét cả các tập quán thương mại có thể áp dụng cho giao dịch.

28. Phán quyết

- 28.1 Sau khi tham khảo ý kiến các bên, Hội đồng Trọng tài sẽ tuyên bố chấm dứt thủ tục tố tụng nếu Hội đồng Trọng tài nhận thấy rằng các bên không còn thêm bất kỳ bằng chứng hoặc tài liệu nào có liên quan và quan trọng nào để đưa ra. Hội đồng Trọng tài có thể tự mình hoặc theo đơn đề nghị của một bên mở lại thủ tục tố tụng trước khi ra phán quyết.
- 28.2 Trước khi ra phán quyết, Hội đồng Trọng tài sẽ gửi dự thảo phán quyết cho Tổng Thư ký. Trừ khi Tổng Thư ký gia hạn hoặc các bên có thỏa thuận khác, Hội đồng Trọng tài sẽ gửi dự thảo phán quyết cho Tổng Thư ký trong vòng 45 ngày kể từ ngày Hội đồng Trọng tài tuyên bố chấm dứt thủ tục tố tụng. Trong thời gian sớm nhất có thể, Tổng Thư ký có thể đề xuất sửa đổi hình thức của phán quyết và cũng có thể lưu ý tới các điểm trong nội

- dung mà không ảnh hưởng tới quyền tự do quyết định của Hội đồng Trọng tài. Hội đồng Trọng tài sẽ không ra bất kỳ phán quyết nào cho tới khi Tổng Thư ký đã chấp thuận hình thức của phán quyết.
- 28.3 Hội đồng Trọng tài có thể ra các phán quyết riêng về các vấn đề khác nhau vào các thời điểm khác nhau.
- 28.4 Nếu một trọng tài viên không hợp tác trong việc ra phán quyết sau đã khi có cơ hội hợp lý để làm việc đó, thì các trọng tài viên còn lại sẽ tiến hành mà không cần sự có mặt của trọng tài viên đó.
- 28.5 Trường hợp có nhiều trọng tài viên, Hội đồng Trọng tài sẽ quyết định theo đa số. Nếu không có quyết định theo đa số, thì một mình trọng tài viên chủ tọa sẽ ra phán quyết cho Hội đồng Trọng tài.
- 28.6 Phán quyết sẽ được gửi tới Tổng Thư ký, và Tổng Thư ký sẽ chuyển các bản sao có chứng thực tới các bên sau khi phí trọng tài được thanh toán đầy đủ.
- 28.7 Hội đồng Trọng tài có thể phán quyết lãi đơn hay lãi kép trên số tiền là đối tượng của tố tụng trọng tài theo lãi suất các bên có thể thỏa thuận hoặc nếu không có thỏa thuận đó, theo như Hội đồng Trọng tài xác định là thích hợp, đối với kỳ hạn mà Hội đồng Trọng tài xác định là phù hợp.
- 28.8 Trong trường hợp hòa giải, nếu một bên có yêu cầu, Hội đồng Trọng tài có thể ra phán quyết đồng ý ghi nhận kết quả hòa giải. Nếu các bên không đòi hỏi phán quyết đồng ý, các bên sẽ xác nhận với Tổng Thư ký rằng đã hòa giải thành. Hội đồng Trọng tài sẽ giải thể và tố tụng trọng tài sẽ chấm dứt sau khi thanh toán mọi khoản phí trọng tài chưa nộp.
- 28.9 Phụ thuộc Quy tắc 29 và Phụ lục 1, bằng việc đồng ý với việc trọng tài theo các Quy tắc này, các bên cam kết nhanh chóng thi hành không chậm trễ phán quyết (phụ thuộc Quy tắc 29), và các bên cũng bỏ qua các quyền của mình đối với mọi hình thức kháng cáo, tái thẩm hoặc nhờ cậy đến tòa án quốc gia hoặc cơ quan tư pháp khác trong phạm vi việc bỏ qua đó được thực hiện hợp lệ và các bên thống nhất phán quyết sẽ là chung thẩm và có hiệu lực ràng buộc các bên kể từ ngày đưa ra.
- 28.10 SIAC có thể xuất bản bất kỳ phán quyết nào sau khi lược bỏ tên của các bên và các thông tin nhận diện khác.

29. Sửa Phán quyết và Phán quyết Bổ sung

- 29.1 Trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được phán quyết, một bên sau khi thông báo bằng văn bản cho Tổng Thư ký và một bên khác thì có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài sửa những lỗi về tính toán, lỗi in hoặc đánh máy hoặc các lỗi có tính chất tương tự trong phán quyết. Bên kia có thể có ý kiến nhận xét về yêu cầu đó trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu. Nếu Hội đồng Trọng tài xét thấy yêu cầu đó chính đáng, thì Hội đồng Trọng tài sẽ tiến hành sửa lỗi trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu. Mọi việc sửa lỗi được thực hiện trong phán quyết ban đầu hoặc trong một bản ghi nhớ riêng sẽ là một phần của phán quyết.
- 29.2 Hội đồng Trọng tài có thể chủ động sửa những lỗi thuộc loại nêu tại Quy tắc 29.1 trong vòng 30 ngày kể từ ngày của phán quyết.
- 29.3 Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được phán quyết, một bên sau khi thông báo bằng văn bản cho Tổng Thư ký và các bên kia có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài ra phán quyết bổ sung đối với những yêu cầu được trình bày trong tố tụng trọng tài nhưng không được xử lý trong phán quyết. Bên kia có thể có ý kiến nhận xét về yêu cầu đó trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu. Nếu Hội đồng Trọng tài xét thấy yêu cầu đó chính đáng, thì Hội đồng Trọng tài sẽ ra phán quyết bổ sung trong vòng 45 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu.
- 29.4 Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được phán quyết, một bên sau khi thông báo bằng văn bản cho Tổng Thư ký và các bên kia có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài giải thích phán quyết. Bên kia có thể có ý kiến nhận xét về yêu cầu đó trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu. Nếu Hội đồng Trọng tài xét thấy yêu cầu đó chính đáng, thì Hội đồng Trọng tài sẽ giải thích bằng văn bản trong vòng 45 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu. Nội dung giải thích sẽ là một phần của phán quyết.
- 29.5 Tổng Thư ký có thể gia hạn các thời hạn nêu trong Quy tắc này.
- 29.6 Các quy định của Quy tắc 28 sẽ được áp dụng theo cùng cách thức với những thay đổi cần thiết hoặc thích hợp có liên quan tới việc sửa phán quyết và việc ban hành phán quyết bổ sung.

30. Phí và Tiền đặt cọc

- 30.1 Phí của Hội đồng Trọng tài và phí của SIAC sẽ được xác định theo Biểu Phí hiện hành tại thời điểm bắt đầu tố tụng trọng tài. Các bên có thể thỏa thuận các phương thức thay thế trong việc xác định phí của Hội đồng Trọng tài trước khi thành lập Hội đồng Trọng tài.

- 30.2 Tổng Thư ký sẽ ấn định các khoản tạm ứng phí trọng tài. Trừ khi Tổng Thư ký có chỉ thị khác, Nguyên đơn sẽ nộp 50% tiền tạm ứng và Bị đơn sẽ nộp 50% còn lại tiền tạm ứng. Tổng Thư ký có thể ấn định riêng các khoản tạm ứng phí đối với các yêu cầu và kiện lại.
- 30.3 Trường hợp số tiền của yêu cầu hoặc đơn kiện lại không thể xác định được tại thời điểm phải thanh toán, Tổng Thư ký sẽ đưa ra một con số ước tính tạm thời phí trọng tài. Con số ước tính đó có thể được dựa trên tính chất của tranh chấp và những tình tiết của vụ tranh chấp. Con số ước tính này có thể được điều chỉnh theo các thông tin có thể có được sau đó.
- 30.4 Tổng Thư ký vào từng thời điểm có thể chỉ thị các bên nộp thêm tiền tạm ứng cho phí trọng tài phát sinh hoặc sẽ phát sinh thay mặt cho hoặc vì lợi ích của các bên.
- 30.5 Nếu một bên không nộp tiền tạm ứng hoặc tiền đặt cọc theo chỉ thị, thì sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Trọng tài và các bên, Tổng Thư ký có thể chỉ thị Hội đồng Trọng tài đình chỉ công việc và quy định thời hạn mà khi hết thời hạn đó các yêu cầu hoặc đơn kiện lại có liên quan sẽ xem như được rút lại mà không ảnh hưởng tới việc bên đó đưa yêu cầu hoặc đơn kiện lại đó ra trong thủ tục tố tụng khác.
- 30.6 Các bên chịu trách nhiệm liên đới và riêng rẽ về phí trọng tài. Một bên được tự nguyện nộp toàn bộ tiền tạm ứng hoặc tiền đặt cọc phí trọng tài đối với yêu cầu hoặc đơn kiện lại nếu bên kia không nộp phần của mình. Hội đồng Trọng tài hoặc Tổng Thư ký có thể đình chỉ toàn bộ hoặc một phần công việc của mình nếu toàn bộ hoặc một phần tiền tạm ứng hoặc tiền đặt cọc được chỉ thị theo Quy tắc này vẫn chưa được thanh toán. Theo đơn đề nghị của một bên, Hội đồng Trọng tài có thể ra phán quyết đối với phí chưa thanh toán theo Quy tắc 24(h).
- 30.7 Nếu tố tụng trọng tài được giải quyết hoặc đình đọat mà không cần phải xét xử, thì Tổng Thư ký sẽ quyết định cuối cùng phí trọng tài. Tổng Thư ký sẽ xem xét mọi tình tiết của vụ tranh chấp, kể cả các giai đoạn tố tụng giải quyết hoặc đình đọat tố tụng trọng tài. Trong trường hợp phí trọng tài được quyết định thấp hơn tiền đặt cọc đã nộp, thì sẽ hoàn lại theo tỷ lệ được các bên thỏa thuận, hoặc nếu không thỏa thuận, thì theo cùng tỷ lệ đã nộp tiền đặt cọc.
- 30.8 Mọi khoản tạm ứng sẽ được nộp cho SIAC và được SIAC giữ. Tiền lãi có thể phát sinh trên tiền đặt cọc đó sẽ được SIAC giữ lại.

31. Phí Trọng tài

31.1 Hội đồng Trọng tài sẽ quy định cụ thể trong phán quyết tổng số tiền phí trọng tài. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Hội đồng Trọng tài sẽ quyết định phân bổ phí trọng tài cho các bên trong phán quyết.

31.2 Cụm từ "phí trọng tài" bao gồm:

- a. Phí và chi phí của Hội đồng Trọng tài;
- b. phí và chi phí hành chính của SIAC; và
- c. phí tham vấn chuyên gia hoặc trợ giúp khác theo yêu cầu của Hội đồng Trọng tài.

32. Phí và Chi phí của Hội đồng Trọng tài

32.1 Phí của Hội đồng Trọng tài sẽ do Tổng Thư ký ấn định theo Biểu Phí và giai đoạn tố tụng kết thúc trọng tài. Trong trường hợp ngoại lệ, Tổng Thư ký có thể cho phép nộp một khoản phí bổ sung trên mức phí được quy định trong Biểu Phí.

32.2 Mọi chi phí hợp lý của Hội đồng Trọng tài cần thiết phát sinh và các khoản trợ cấp khác sẽ được thanh toán theo Tài liệu hướng dẫn Thực hiện có liên quan.

33. Chi phí Luật sư và Chi phí Khác của một Bên

Trong phán quyết của mình Hội đồng Trọng tài sẽ có quyền yêu cầu một bên thanh toán toàn bộ hoặc một phần chi phí luật sư hoặc chi phí khác của bên kia.

34. Miễn trừ Trách nhiệm

34.1 SIAC, kể cả Chánh Tòa, thành viên của Tòa, các giám đốc, cán bộ, nhân viên của SIAC hoặc trọng tài viên sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ người nào về bất kỳ sự bất cẩn, hành động hoặc thiếu sót liên quan tới tố tụng trọng tài được điều chỉnh theo Quy tắc này.

34.2 SIAC, kể cả Chánh Tòa, thành viên của Tòa, các giám đốc, cán bộ, nhân viên của SIAC hoặc trọng tài viên sẽ không có nghĩa vụ phải đưa ra bất kỳ giải trình nào có liên quan tới

tố tụng trọng tài được điều chỉnh theo Quy tắc này. Các bên sẽ không yêu cầu bất kỳ ai trong Chánh Tòa, thành viên của Tòa, giám đốc, cán bộ, nhân viên hoặc trọng tài viên nào hành động với tư cách người làm chứng trong thủ tục tố tụng có liên quan tới tố tụng trọng tài được điều chỉnh theo các Quy tắc này.

35. Bảo mật

- 35.1 Các bên và Hội đồng Trọng tài sẽ luôn bảo mật tất cả các vấn đề liên quan tới thủ tục tố tụng và phán quyết.
- 35.2 Khi không có sự đồng ý trước bằng văn bản của tất cả các bên, một bên hoặc trọng tài viên sẽ không tiết lộ bất kỳ vấn đề nào cho một bên thứ ba ngoại trừ:
- a. nhằm mục đích nộp đơn đề nghị lên tòa án có thẩm quyền của một Quốc gia để thi hành hoặc phản đối phán quyết;
 - b. theo lệnh hoặc giấy triệu tập của tòa án có thẩm quyền xét xử;
 - c. nhằm mục đích theo đuổi hoặc thi hành một quyền hoặc yêu cầu hợp pháp;
 - d. tuân thủ các quy định pháp luật của một Quốc gia có hiệu lực ràng buộc bên tiết lộ;
 - e. tuân thủ đề nghị hoặc yêu cầu của cơ quan pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền khác; hoặc
 - f. theo lệnh của Hội đồng Trọng tài về đơn đề nghị của một bên có thông báo hợp lệ cho các bên khác.
- 35.3 Trong Quy tắc này, "các vấn đề liên quan tới thủ tục tố tụng" nghĩa là sự tồn tại của thủ tục tố tụng, và bản tranh tụng, bằng chứng và các tài liệu khác trong tố tụng trọng tài và tất cả các tài liệu khác mà một bên khác đưa ra trong thủ tục tố tụng hoặc phán quyết phát sinh từ thủ tục tố tụng, nhưng ngoại trừ các vấn đề bằng cách khác đã được biết rộng rãi.
- 35.4 Hội đồng Trọng tài có quyền áp dụng các biện pháp thích hợp, kể cả việc đưa ra một lệnh hoặc phán quyết về chế tài hoặc phí tổn nếu một bên vi phạm các quy định của Quy tắc này.

36. Các quyết định của Chánh Tòa, Tòa và Tổng Thư ký

- 36.1 Phụ thuộc Quy tắc 25.1, các quyết định của Chánh Tòa, Tòa và Tổng Thư ký đối với các vấn đề có liên quan đến một vụ việc trọng tài là chung thẩm và có hiệu lực ràng buộc các bên và Hội đồng trọng tài. Chánh Tòa, Tòa và Tổng Thư ký không có nghĩa vụ cung cấp lý lẽ cho những quyết định này.
- 36.2 Phụ thuộc Quy tắc 25.1, các bên coi như đã bỏ qua các quyền kháng cáo hoặc tái thẩm đối với bất kỳ quyết định nào của Chánh Tòa, Tòa và Tổng Thư ký tới tòa án quốc gia hoặc các cơ quan tư pháp khác.

37. Quy định Chung

- 36.1 Một bên biết có một quy định hoặc yêu cầu theo các Quy tắc này không được tuân thủ và tiến hành tố tụng trọng tài mà không nhanh chóng đưa ra ý kiến phản đối sẽ được xem là đã bỏ qua quyền phản đối của mình.
- 36.2 Đối với các vấn đề không được quy định rõ trong các Quy tắc này, Chánh Tòa, Tòa, Tổng Thư ký và Hội đồng Trọng tài sẽ hành động trên tinh thần của Quy tắc này và sẽ nỗ lực hợp lý để đảm bảo kết luận trọng tài là công bằng, nhanh chóng và chi phí trọng tài là kinh tế và hiệu lực thi hành của phán quyết.
- 36.3 Tổng Thư ký vào từng thời điểm có thể ban hành Tài liệu Hướng dẫn Thực hiện để bổ sung, điều chỉnh và thực hiện Quy tắc này nhằm mục đích tạo điều kiện cho việc điều hành tố tụng trọng tài được thực hiện theo Quy tắc này.

PHỤ LỤC 1

Trọng tài viên Khẩn cấp

1. Một bên cần áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có thể làm đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đồng thời hoặc sau khi nộp Thông báo Trọng tài nhưng trước khi thành lập Hội đồng Trọng tài. Bên đó sẽ thông báo bằng văn bản cho Tổng Thư ký và tất cả các bên khác về tính chất của biện pháp khẩn cấp tạm thời được yêu cầu và lý do khẩn thiết áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đó. Đơn yêu cầu cũng sẽ nêu lý do bên đó được quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đó. Thông báo đó phải bao gồm một báo cáo xác nhận rằng đã thông báo cho tất cả các bên khác hoặc giải thích các bước đã tiến hành một cách thiện ý để thông báo cho các bên khác. Đơn yêu cầu cũng sẽ được gửi kèm với khoản thanh toán phí tiến hành thủ tục tố tụng do Tổng Thư ký quy định theo Phụ lục 1 này.
2. Chánh Tòa, nếu quyết định rằng SIAC nên chấp nhận đơn yêu cầu, sẽ tìm và chỉ định một Trọng tài viên Khẩn cấp trong vòng một ngày làm việc kể từ khi Tổng Thư ký nhận được đơn yêu cầu và khoản thanh toán phí được yêu cầu.
3. Trước khi chấp nhận việc chỉ định, người được chỉ định làm Trọng tài viên Khẩn cấp dự kiến sẽ thông báo cho Tổng Thư ký về mọi tình tiết có thể dẫn đến những nghi ngờ chính đáng về sự vô tư hoặc tính độc lập của Trọng tài viên Khẩn cấp đó. Mọi phản đối việc chỉ định Trọng tài viên Khẩn cấp phải được đưa ra trong vòng một ngày làm việc kể từ khi Tổng Thư ký thông báo cho các bên về việc chỉ định Trọng tài viên Khẩn cấp và các tình tiết được tiết lộ.
4. Trọng tài viên Khẩn cấp không được hành động với tư cách là một trọng tài viên trong tố tụng trọng tài trong tương lai có liên quan tới vụ tranh chấp, trừ khi được các bên đồng ý.
5. Trọng tài viên Khẩn cấp sẽ lên kế hoạch xem xét đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong thời gian sớm nhất có thể nhưng trong mọi trường hợp trong vòng hai ngày làm việc kể từ khi được chỉ định. Kế hoạch đó sẽ cho tất cả các bên cơ hội hợp lý được xét xử, nhưng có thể quy định thủ tục tố tụng bằng hội nghị qua điện thoại hoặc dựa trên các tài liệu bằng văn bản được nộp như là phương thức thay thế cho một phiên họp chính thức giải quyết vụ tranh chấp. Trọng tài viên Khẩn cấp sẽ có các quyền như của Hội đồng Trọng tài theo Quy tắc này, kể cả quyền quyết định theo thẩm quyền của Trọng tài viên Khẩn cấp đó và sẽ giải quyết mọi tranh chấp bằng việc áp dụng Phụ lục 1 này.
6. Trọng tài viên Khẩn cấp sẽ có quyền ra lệnh hoặc quyết định một biện pháp khẩn cấp tạm thời mà người đó thấy cần thiết. Trọng tài viên Khẩn cấp sẽ đưa ra lý do cho quyết

định của mình bằng văn bản. Trọng tài viên Khẩn cấp có thể sửa đổi hoặc hủy bỏ phán quyết hoặc lệnh tạm thời với đầy đủ lý do đã nêu.

7. Trọng tài viên Khẩn cấp sẽ không có thêm bất kỳ quyền nào hành động sau khi Hội đồng Trọng tài được thành lập. Hội đồng Trọng tài có thể xem xét lại, sửa đổi hoặc hủy bỏ phán quyết hoặc lệnh tạm thời về biện pháp khẩn cấp tạm thời được Trọng tài viên Khẩn cấp đưa ra. Hội đồng Trọng tài không bị ràng buộc bởi các lý do được Trọng tài viên Khẩn cấp đưa ra. Trong mọi trường hợp, lệnh hoặc phán quyết của Trọng tài viên Khẩn cấp sẽ không còn hiệu lực ràng buộc nếu Hội đồng Trọng tài không được thành lập trong vòng 90 ngày kể ngày của lệnh hoặc phán quyết đó hoặc khi Hội đồng Trọng tài đưa ra phán quyết cuối cùng hoặc nếu yêu cầu được rút lại.
8. Một phán quyết hoặc lệnh tạm thời về biện pháp khẩn cấp tạm thời có thể phụ thuộc vào việc bên yêu cầu biện pháp khẩn cấp tạm thời đó cung cấp bảo đảm thích hợp.
9. Lệnh hoặc phán quyết theo Phụ lục 1 này sẽ có hiệu lực ràng buộc các bên khi được đưa ra. Bằng việc đồng ý với tổ tụng trọng tài theo Quy tắc này, các bên cam kết nhanh chóng tuân thủ lệnh hoặc phán quyết đó.
10. Các phí tổn có liên quan tới đơn yêu cầu theo Phụ lục 1 này ban đầu sẽ được Trọng tài viên Khẩn cấp phân chia, phụ thuộc vào quyền hạn của Hội đồng Trọng tài đưa ra quyết định cuối cùng về việc phân chia phí tổn đó.
11. Quy tắc này sẽ được áp dụng cho thủ tục tổ tụng theo Phụ lục 1 này khi thích hợp, có xét tới tính cấp thiết sẵn có của thủ tục tổ tụng đó. Trọng tài viên Khẩn cấp có thể quyết định phương thức thích hợp áp dụng các Quy tắc này, và quyết định của Trọng tài viên Khẩn cấp về các vấn đề đó là cuối cùng và không bị kháng cáo.

PHỤ LỤC 2

CÁC QUY ĐỊNH RIÊNG CHO QUY TẮC TRỌNG TÀI TRONG NƯỚC CỦA SIAC

Điều 1 – Bãi bỏ

Quy tắc Trọng tài Trong nước của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore, Tái bản lần 2, ngày 1 tháng 9 năm 2002 (Quy tắc Trọng tài Trong nước SIAC) bị bãi bỏ..

Điều 2 – Quy định Chuyển tiếp

Trường hợp theo thỏa thuận các bên đã dẫn chiếu rõ ràng tới trọng tài theo Quy tắc Trọng tài Trong nước SIAC, thì thỏa thuận đó sẽ được xem là dẫn chiếu tới trọng tài theo các Quy tắc này và Phụ lục này.

Điều 3 – Phán quyết Tức thời

1. Sau khi kết thúc thời hạn nộp Giải trình Yêu cầu, Bản tự bảo vệ và Đơn kiện lại theo Quy tắc 17 của Quy tắc này, nhưng chậm nhất là 21 ngày sau khi hết hạn, nếu một bên xét thấy không có ý kiến phản bác hợp lệ nào đối với yêu cầu của bên đó hoặc một phần quan trọng nào của yêu cầu của bên đó, thì bên đó có thể nộp đơn xin phán quyết tức thời về yêu cầu hoặc một phần của yêu cầu đó cho Hội đồng Trọng tài và tổng đạt đơn đó cho bên kia và Tổng Thư ký. "Yêu cầu" trong Điều này bao gồm cả đơn kiện lại.
2. Đơn sẽ được gửi kèm một bản tự khai nêu đầy đủ sự việc và cơ sở chi tiết chứng minh đơn đề nghị.
3. Trong vòng 21 ngày sau khi nộp đơn và bản tự khai, bên kia phải nộp và tổng đạt một bản tự khai phản đối nếu bên kia muốn phản đối đơn. Người nộp đơn phải nộp một bản tự khai phúc đáp trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được ý kiến phản đối. Nếu không có sự cho phép của Hội đồng Trọng tài thì không phải nộp thêm bất kỳ bản tự khai nào.
4. Khi xem xét đơn, Hội đồng Trọng tài có thể:
 - (a) đưa ra một phán quyết tức thời; hoặc
 - (b) ra lệnh bác đơn; hoặc

- (c) ra lệnh đòi hỏi bảo đảm cho yêu cầu hoặc một phần yêu cầu của người nộp đơn.
5. Phán quyết hoặc lệnh của Hội đồng Trọng tài sẽ được lập thành văn bản trong vòng 21 ngày sau khi kết thúc phiên họp giải quyết vụ tranh chấp trừ khi Tổng Thư ký gia hạn.
 6. Hội đồng Trọng tài được toàn quyền quyết định về các phí tổn nêu tại Quy tắc 31, 32 và 33 của các Quy tắc này.
 7. Quy tắc 28.2, 29.1 và 29.2 của Quy tắc này với thay đổi cần thiết hoặc thích hợp sẽ được áp dụng cho phán quyết tức thời được đưa ra theo Điều này.
 8. Trường hợp đơn bị bác, Hội đồng Trọng tài sẽ tiếp tục tổ tụng trọng tài.

BIỂU PHÍ

(Các khoản tiền sau được tính bằng Đô-la Singapore)

Biểu Phí này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 2014 và được áp dụng đối với các vụ việc trọng tài được bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 8 năm 2014.

PHÍ NỘP HỒ SƠ* (Không hoàn trả)

Đối với các Bên Singapore	2.140 Đô-la Singapore*
Đối với các Bên Nước Ngoài	2.000 Đô-la Singapore

+ Phí nộp hồ sơ áp dụng đối với tất cả các vụ việc trọng tài được điều hành bởi SIAC, và đối với từng yêu cầu kiện và kiện lại.

* Phí bao gồm 7% thuế hàng hóa và dịch vụ (thuế GST).

PHÍ QUẢN LÝ

Phí quản lý được tính dựa theo Bảng phí dưới đây áp dụng cho tất cả các vụ việc trọng tài điều hành bởi SIAC và là mức phí cao nhất có thể phải trả cho SIAC.

Trị giá Vụ tranh chấp (Đô-la Singapore)	Phí Quản lý (Đô-la Singapore)
Đến 50.000	3.800
Từ 50.001 đến 100.000	3.800 + 2,200% của khoản tiền vượt quá 50.000
Từ 100.001 đến 500.000	4.900 + 1,200% của khoản tiền vượt quá 100.000
Từ 500.001 đến 1.000.000	9.700 + 1,000% của khoản tiền vượt quá 500.000
Từ 1.000.001 đến 2.000.000	14.700 + 0,650% của khoản tiền vượt quá 1.000.000
Từ 2.000.001 đến 5.000.000	21.200 + 0,320% của khoản tiền vượt quá 2.000.000
Từ 5.000.001 đến 10.000.000	30.800 + 0,160% của khoản tiền vượt quá 5.000.000
Từ 10.000.001 đến 50.000.000	38.800 + 0,095% e của khoản tiền vượt quá 10.000.000
Từ 50.000.001 đến 80.000.000	76.800 + 0,040% e của khoản tiền vượt quá 50.000.000
Từ 80.000.001 đến 100.000.000	88.800 + 0,031% e của khoản tiền vượt quá 80.000.000
Trên 100.000.000	95.000

Phí quản lý không bao gồm các khoản tiền sau:

- Phí và các chi phí của Hội đồng Trọng tài
- Phí sử dụng các tiện ích và dịch vụ hỗ trợ cho hoặc liên quan đến buổi xét xử (ví dụ như phòng xét xử và các trang thiết bị, dịch vụ tốc ký và dịch vụ phiên dịch,..)
- Các khoản chi phí phát sinh của SIAC

PHÍ TRỌNG TÀI VIÊN

Đây là phí phải trả đối với các vụ việc trọng tài được tiến hành và điều hành theo Quy tắc Trọng tài SIAC, trừ khi các bên thỏa thuận một phương thức thay thế trong việc xác định phí của Hội đồng Trọng tài theo Quy tắc 30.1.

Phí được tính trong Bảng phí dưới đây là mức phí cao nhất có thể phải trả cho một trọng tài viên.

Trị giá Vụ tranh chấp (Đô-la Singapore)	Phí Trọng Tài Viên (Đô-la Singapore)
Đến 50.000	6.250
Từ 50.001 đến 100.000	6.250+ 13,800% của khoản tiền vượt quá 50.000
Từ 100.001 đến 500.000	13.150 + 6,500% của khoản tiền vượt quá 100.000
Từ 500.001 đến 1.000.000	39.150 + 4,850% của khoản tiền vượt quá 500.000
Từ 1.000.001 đến 2.000.000	63.400 + 2,750% của khoản tiền vượt quá 1.000.000
Từ 2.000.001 đến 5.000.000	90.900 + 1,200% của khoản tiền vượt quá 2.000.000
Từ 5.000.001 đến 10.000.000	126.900 + 0,700% của khoản tiền vượt quá 5.000.000
Từ 10.000.001 đến 50.000.000	161.900 +0,300% của khoản tiền vượt quá 10.000.000
Từ 50.000.001 đến 80.000.000	281.900 + 0,160% của khoản tiền vượt quá 50.000.000
Từ 80.000.001 đến 100.000.000	329.900 + 0,075% của khoản tiền vượt quá 80.000.000
Từ 100.000.001 đến 500.000.000	344.900 + 0,065% của khoản tiền vượt quá 100.000.000
Trên 500.000.000	605.000 + 0,040% của khoản tiền vượt quá 500.000.000
	Mức phí cao nhất là 2.000.000

PHÍ ĐỐI VỚI YÊU CẦU ÁP DỤNG BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI

Những phí sau được áp dụng đối với đơn yêu cầu áp dụng Biện pháp Khẩn cấp Tạm thời theo Quy tắc 26.2 và Phụ lục 1 của Quy tắc Trọng tài SIAC:

- Phí Quản lý đối với Yêu cầu Trọng tài viên Khẩn cấp:** Một yêu cầu theo Quy tắc 26.2 và Phụ lục 1 sẽ phải nộp kèm một khoản phí như sau:

Đối với các Bên Singapore	5.350 Đô-la Singapore*
Đối với các Bên Nước Ngoài	5.000 Đô-la Singapore

*Phí bao gồm 7% thuế GST.

- Phí Trọng tài viên Khẩn cấp:** Phí Trọng tài viên Khẩn cấp không vượt quá 20% mức phí cao nhất của trọng tài viên duy nhất được tính theo Biểu Phí hiện hành tại thời điểm bắt đầu tố tụng trọng tài, nhưng không được thấp hơn 20.000 Đô-la Singapore, trừ khi Tổng Thư ký quyết định khác. Người nộp đơn phải nộp một khoản tiền đặt cọc để chi trả Phí Trọng tài viên Khẩn cấp và các chi phí một thời gian ngắn sau khi nộp yêu cầu.